

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17/9/2020  
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2020 về việc tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị C, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn TV, xã ĐP, huyện LN, tỉnh BG.( Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn TV, xã ĐP, huyện LN, tỉnh BG.

Hiện đang lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lưu Thị C trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh H trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/11/2000 tại UBND xã ĐP, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2007 anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng vẫn

thường xuyên liên lạc hỏi thăm nhau, quan tâm nhau. Anh H vẫn gửi tiền về cho chị để nuôi hai con chung. Tuy nhiên, từ năm 2016 cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi lần anh H gọi điện về thì vợ chồng lại cãi nhau. Năm 2018 anh H về nước thì vợ chồng lại tiếp tục cãi nhau, anh H không quan tâm lo lắng đến gia đình và 01 tháng sau thì anh H đi nước ngoài tiếp. Từ đó đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế, không còn liên lạc gì với nhau nữa. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Hiện nay anh H vẫn đang ở Đài Loan nhưng chị không cung cấp được địa chỉ của anh H. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Mạnh H có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, đã trưởng thành trên 18 tuổi. Hiện nay cháu H đang học tập tại Hàn Quốc, chị không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu thứ hai là Nguyễn Thị Thu H2 – sinh ngày 19/7/2006, hiện nay cháu H2 đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu H2 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Mạnh H.

\* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bà Trần Thị Th, sinh năm 1952 ( là mẹ đẻ anh H). Địa chỉ: TV, xã ĐP, huyện LN, tỉnh BG, bà Thêm có quan điểm trình bày như sau:

- Tôi là mẹ đẻ của anh Nguyễn Mạnh H có địa chỉ như trên. Hiện nay con tôi đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về việc cung cấp địa chỉ của con tôi ở nước ngoài thì gia đình tôi không biết nên không cung cấp được. Gia đình cũng từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo cho anh H gửi bản tự khai, quan điểm về Tòa án.

- Về yêu cầu khởi kiện của chị C thì con tôi có trao đổi về với gia đình như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Con tôi đồng ý ly hôn, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị C.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu H- sinh năm 2001 và cháu H2- sinh năm 2006 hiện nay cháu H đã trưởng thành. Anh H đồng ý giao con cháu H2 cho chị C nuôi dưỡng và không có ý kiến gì. Về cấp dưỡng không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lưu Thị C xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt không có lý

do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Lưu Thị C được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H. Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H2 – sinh ngày 19/7/2006 cho chị Lưu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Lưu Thị C không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Lưu Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lưu Thị C là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Mạnh H. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn TV, xã ĐP, huyện LN, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 6789/QLXNC-P5 ngày 21/5/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Mạnh H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 17/8/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh H. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Lưu Thị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về

việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Nguyễn Mạnh H cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Mạnh H theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lưu Thị C, anh Nguyễn Mạnh H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Lưu Thị C kết hôn với anh Nguyễn Mạnh H trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/11/2000 tại UBND xã ĐP, huyện LN. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2007 anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm nhau, quan tâm nhau. Anh H vẫn gửi tiền về cho chị để nuôi hai con chung. Tuy nhiên, từ năm 2016 cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi lần anh H gọi điện về thì vợ chồng lại cãi nhau. Năm 2018 anh H về nước thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn cãi nhau. Anh H không quan tâm lo lắng đến gia đình và 01 tháng sau thì anh H đi nước ngoài tiếp. Từ đó đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế, không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Lưu Thị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Thông qua người thân (là mẹ đẻ) anh Nguyễn Mạnh H có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Lưu Thị C.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Mạnh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Mạnh H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Mạnh H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Mạnh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Mạnh H đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lưu Thị C được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Mạnh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, đã trưởng thành trên 18 tuổi. Hiện nay cháu H đang học tập tại Hàn Quốc chị C không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu thứ hai là Nguyễn Thị Thu H2

– sinh năm 2006, hiện nay đang ở với chị C. Khi ly hôn chị C đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh H không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể nên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Con chung chưa thành niên cần người chăm sóc giáo dục. Cháu Nguyễn Thị Thu H2 cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Lưu Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H2 – sinh ngày 19/7/2006. Anh Nguyễn Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lưu Thị C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Mạnh H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này có tranh chấp các bên có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Lưu Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị C được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H .

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H2 – sinh ngày 19/7/2006 cho chị Lưu Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lưu Thị C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Mạnh H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000679 ngày 03/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lưu Thị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Mạnh H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Lưu Thị C cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã ĐP, huyện LN.
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**